

Số: **14** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH**

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Kết quả ban hành văn bản triển khai thực hiện Chương trình theo các quy định và hướng dẫn của Trung ương; cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương.

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương:

a) HĐND tỉnh đã ban hành:

- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

- Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 về một số nội dung chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, Kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện của các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi,

b) UBND tỉnh đã ban hành:

- Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 Ban hành Kế hoạch

thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi năm 2022;

- Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 Phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo; nhà văn hóa thôn, bản; chợ nông thôn; các công trình đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

(Phụ biểu số 01 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động

a) Tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi, Báo Nông thôn ngày nay, Báo Kinh tế nông thôn,... để tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, kế hoạch thực hiện Chương trình; các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; Phản ánh tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương, tâm tư nguyện vọng của người dân, các mô hình, các cá nhân, tập thể điển hình trong xây dựng nông thôn mới.

Cổng thông tin điện tử Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chương trình OCOP thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về tình hình triển khai thực hiện Chương trình, trả lời các ý kiến, thắc mắc của bạn đọc

nhờ đó đã thu hút được lượng truy cập ngày càng tăng.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới tiếp tục được chú trọng và phát huy. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 17/6/2022 về Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ngãi thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, kế hoạch thực hiện Chương trình; các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; phản ánh tình hình triển khai thực hiện tại các địa phương, tâm tư nguyện vọng của người dân, các mô hình, các cá nhân, tập thể điển hình trong xây dựng nông thôn mới.

UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/8/2022 ban hành Kế hoạch truyền thông phục vụ chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 759/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 ban hành Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp:

- Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 được kiện toàn tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 18/2/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh với 33 thành viên. Trưởng ban là Chủ tịch UBND tỉnh; 02 Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Trưởng Ban; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư là ủy viên thường trực Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là Ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh là Ủy viên Thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các thành viên khác là đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh có liên quan.

- Cấp huyện: UBND các huyện, thị xã, thành phố đã và đang củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo.

b) Bộ máy giúp việc cho Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình:

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh ổn định cơ cấu tổ

chức, đáp ứng nhu cầu tham mưu giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh. Hiện nay, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh có 01 Chánh Văn phòng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, 01 Phó chánh Văn phòng chuyên trách và 06 viên chức chuyên trách.

- Cấp huyện: Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện thường xuyên được củng cố kiện toàn, có Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng và mỗi huyện từ 01 - 02 cán bộ chuyên trách nông thôn mới, hiện một số huyện đang thiếu cán bộ chuyên trách nông thôn mới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN ĐỀ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

- UBND tỉnh đã phê duyệt

+ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 18/11/2022 triển khai Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên đại bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/3/2022 triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 phê duyệt dự án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Còn 4 chuyên đề còn lại đang xây dựng dự thảo triển khai lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành liên quan và dự kiến ban hành trong Quý I/2023.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình (đã được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn xã

a) Nội dung thành phần số 01: *Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.*

Đang triển khai thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của 148 xã trên địa bàn tỉnh, kinh phí năm 2022 phân bổ cho mỗi xã khoảng 200 triệu đồng. Sở Xây dựng đã góp ý Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã, dự kiến đến năm 2023 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của các xã trong tỉnh.

1.2. Nội dung thành phần số 02: *Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.*

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã: Năm 2022 tiếp tục đầu tư bê tông xi măng các tuyến đường liên xã, đường thôn để các xã giữ vững, nâng cao các tiêu chí, với tổng kinh phí năm 2022 150.167 triệu đồng (gồm: ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh).

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống

thiên tai cấp xã, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu: Đầu tư kiên cố hóa các tuyến kênh mương thủy lợi, với tổng kinh phí năm 2022 là 46.431 triệu đồng (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh).

- Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan: Đầu tư hệ thống điện phục vụ vùng chuyên canh cây ăn quả... tại một số xã trong tỉnh với tổng kinh phí năm 2022 là 2.472 triệu đồng (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh).

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn: Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các nhà Văn hóa thôn với tổng kinh phí năm 2022 là 49.078 triệu đồng (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh)

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị: Đầu tư phát triển vùng chuyên canh cây ăn quả, xây dựng mặt bằng khu chăn nuôi tập trung

c) Nội dung thành phần số 03: *Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn:*

- Về sản phẩm OCOP: Toàn tỉnh có 90 sản phẩm đạt OCOP 3-4 sao (Trong đó có 05 sản phẩm đạt 4 sao và 85 sản phẩm đạt 3 sao). Có 49 chủ thể có sản phẩm đạt OCOP cấp tỉnh, trong đó: Có 11 doanh nghiệp với 32 sản phẩm đạt OCOP; 19 hợp tác xã với 33 sản phẩm đạt OCOP; 18 cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh với 25 sản phẩm đạt OCOP. Có 10 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất: UBND tỉnh có Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 Phê duyệt Đề án Củng cố, nâng cao và phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; hỗ trợ 5 hợp tác xã nông nghiệp xây dựng nhà kho, xưởng sơ chế, chế biến, kiên cố hóa kênh mương,... Đến nay, toàn tỉnh có 237 hợp tác xã. Trong đó, có 11 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể, tăng 06 HTX so với năm 2021. Hầu hết các HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã tổ chức chuyển đổi, đăng ký theo Luật HTX 2012, còn 03 HTX chưa chuyển đổi.

d) Nội dung thành phần số 04: *Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.*

UBND tỉnh ban hành các Quyết định về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ nguồn ngân sách trung ương và vốn đối ứng của tỉnh cho các huyện. Hiện nay các địa phương đang thực hiện lập phương án hỗ trợ phát triển sản xuất để triển khai thực hiện.

đ) Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Về giáo dục: Ban hành đề án xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025. Tiếp tục thực hiện đầu tư mới, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trường học và mua sắm trang thiết bị dạy học trong năm 2022 đầu tư với tổng kinh phí năm 2022 là 20.773 triệu đồng (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh).

Về y tế và chăm sóc sức khỏe người dân: Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân. Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Chỉ đạo tăng cường thực hiện chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 theo phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người”, đảm bảo đúng thời gian yêu cầu; đẩy mạnh công tác truyền thông cho người dân về lợi ích tiêm liều bổ sung, liều nhắc lại vắc xin phòng Covid-19, đảm bảo tất cả người dân đều được tiêm chủng đầy đủ. Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được đảm bảo. Tổ chức vận động hiến máu tình nguyện đạt và vượt kế hoạch tỉnh giao. Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện dinh dưỡng trẻ em, tiêm chủng mở rộng, các chương trình mục tiêu về y tế được triển khai thực hiện tốt.

e) Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn

Thực hiện xây dựng Đề án “Phát triển Du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị tài nguyên tự nhiên và văn hóa của tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”. Tổ chức công bố quyết định và đón nhận Bằng công nhận di tích cấp tỉnh đã được UBND tỉnh công nhận di tích cấp tỉnh. Triển khai các hoạt động và tổ chức thành công Lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ và kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

g) Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn...

- Tổ chức kiểm tra công tác bảo vệ môi trường. Chỉ đạo chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước về khoáng sản; kiểm tra thực địa các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để xem xét đề xuất bổ sung vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, môi trường và khoáng sản tại các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chất thải y tế được thu gom, xử lý theo quy định.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom, xử lý đúng quy định

h) Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền

cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công: Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính năm 2021 và triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022, tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan, đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa cấp tỉnh, huyện duy trì nề nếp, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính công khai, minh bạch và đúng quy định. Chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở: Công tác bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, kỷ luật thực hiện theo quy định. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua và thực hiện khen thưởng. Kiện toàn các chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các trường học thuộc ngành giáo dục; phê chuẩn, miễn nhiệm bổ sung thành viên UBND các cấp thay đổi nhân sự kịp thời. Phê duyệt kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2022 và thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức trong diện được chuyển đổi. Hoàn thành tuyển dụng công chức và viên chức trong trường học. Thực hiện thành công Đề án số 07- ĐA/TU ngày 28/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện thí điểm mô hình “Dân tin - Đảng cử” tại các huyện. Triển khai thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới: Các huyện tổ chức các lớp tập huấn truyền thông về bình đẳng giới, kỹ năng phòng chống bạo lực, xâm hại.

- Bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân: Hoạt động công bố, công khai thủ tục hành chính thực hiện thường xuyên theo hướng tinh gọn, công khai và minh bạch. Đã ban hành kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và xây dựng kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; kế hoạch Bồi thường nhà nước; kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở được triển khai thường xuyên.

i) Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới

Trong thời gian qua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã tích cực phối hợp với UBND cùng cấp trong công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương về xây dựng nông thôn mới gắn với thực

hiện tốt Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”. Tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

k) Nội dung thành phần số 010: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương năm 2022; xây dựng lực lượng thường trực, dự bị động viên theo chỉ tiêu; chỉ đạo huấn luyện, luyện tập theo kế hoạch. Thực hiện mở lớp giáo dục quốc phòng an ninh năm 2022 tại các huyện, chỉ đạo các địa phương mở lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng an ninh các cấp tỉnh, huyện, xã. Tổ chức thành công diễn tập chiến đấu phòng thủ các cấp.

Chỉ đạo thực hiện, mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện, các ngày lễ tại địa phương, nhất là trong dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần; xây dựng kế hoạch phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tăng cường trách nhiệm, hiệu quả của lực lượng bảo vệ dân phố, các tổ chức tự quản ở cơ sở, hướng dẫn xây dựng mới 05 mô hình, nhân rộng 09 mô hình an toàn về an ninh trật tự. Tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân, gắn với triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tuần tra kiểm soát giao thông. Triển khai thực hiện việc phân cấp công tác đăng ký xe mô tô, xe gắn máy. Điều tra, khám phá các vụ phạm tội và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ cao. Nhìn chung tình hình an ninh trật tự trên địa bàn được kiểm soát chặt chẽ, nhất là trong các dịp lễ, Tết.

l) Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM

Công tác tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã, thôn: Triển khai tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã đã triển khai đảm bảo, chất lượng, kịp thời. Nhằm tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở.

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

a) Bộ tiêu chí Huyện nông thôn mới:

Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới: 02 huyện: Tư Nghĩa và Nghĩa Hành. Thành phố Quảng Ngãi đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định, xét công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

b) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến 25/12/2022.

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (trên 120 xã/148 xã), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch): 131 xã, Tiêu chí số 2 (Giao thông): 123 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 135 xã, Tiêu chí 4 (Điện): 143 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): 146 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông): 142 xã, Tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư) 120 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm): 145 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất): 124 xã. Tiêu chí 14 (Giáo dục và Đào tạo): 128 xã, Tiêu chí 16 (Văn hóa): 145 xã Tiêu chí 18 (Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật): 135 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): 140 xã,

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (dưới 120 xã/148 xã) gồm: Tiêu chí 5 (Trường học): 105 xã, Tiêu chí 6 (Cơ sở vật chất văn hóa): 119 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập): 97 xã, Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): 97 xã, Tiêu chí số 15 (Y tế): 117 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường và An toàn thực phẩm): 103 xã,

- Số tiêu chí bình quân/xã: 16,25 (giảm 0,25 tiêu chí so với cuối năm 2021: 16,5). Nguyên nhân do: Các xã đánh giá lại theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

c) Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Số xã đạt từng tiêu chí:

+ Các tiêu chí nhiều xã đạt (trên 35 xã/53 xã), gồm: Tiêu chí 1 (Quy hoạch): 36 xã, Tiêu chí 3 (Thủy lợi): 35 xã, Tiêu chí 4 (Điện): 43 xã, Tiêu chí 7 (Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn): 39 xã, Tiêu chí số 9 (Nhà ở dân cư) 45 xã, Tiêu chí 11 (Hộ nghèo): 37 xã, Tiêu chí 12 (Lao động có việc làm): 37 xã, Tiêu chí 15 (Hành chính công): 39 xã, Tiêu chí 16 (Tiếp cận Pháp luật): 35 xã, Tiêu chí 19 (Quốc phòng và An ninh): 43 xã,

+ Các tiêu chí có ít xã đạt (dưới 35 xã/53 xã) gồm: Tiêu chí số 2 (Giao thông): 21 xã, Tiêu chí 5 (Giáo dục): 13 xã, Tiêu chí 6 (Văn hóa): 7 xã, Tiêu chí 8 (Thông tin và Truyền thông): 10 xã, Tiêu chí 10 (Thu nhập): 21 xã, Tiêu chí 13 (Tổ chức sản xuất): 9 xã, Tiêu chí số 14 (Y tế): 5 xã, Tiêu chí 17 (Môi trường): 11 xã, Tiêu chí 18 (Chất lượng môi trường sống): 14 xã,

- Số tiêu chí bình quân/xã: 9,43 (đánh giá theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025).

(Phụ biểu số 06 kèm theo)

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ báo cáo của các huyện, thị xã, thành phố, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến 25/12/2022.

a) Số xã thực hiện nông thôn mới: 148 xã

b) Số xã đã đạt 19 tiêu chí: 97 xã trong đó:

- + Số xã đã có Quyết định công nhận: 93 xã.
- + Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 04 xã.
- c) Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí: 06 xã.
- d) Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí: 40 xã.
- đ) Số xã đạt từ 6-9 tiêu chí: 05 xã.
- e) Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 09 xã.

(Phụ biểu số 05 kèm theo)

4. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực

a) Kết quả huy động nguồn lực

Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình năm 2022: 865.483 triệu đồng, phân theo các nguồn gồm:

- Ngân sách Trung ương: 206.860 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn đầu tư: 181.040 triệu đồng
 - + Vốn sự nghiệp: 25.820 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh: 190.984 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn đầu tư: 160.000 triệu đồng, trong đó
 - + Vốn sự nghiệp: 30.984 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, xã: 64.839 triệu đồng.
- Vốn lồng ghép: 303.807 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 650.926 triệu đồng
- Đóng góp của người dân: 18.337 triệu đồng

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 02 kèm theo)

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định.

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 03 kèm theo)

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 04 kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

UBND tỉnh đã kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc đẩy mạnh thực hiện Chương trình năm 2022.

Các cơ quan truyền thông kịp thời tuyên truyền, phản ánh các sự kiện thời sự, các điển hình tiên tiến về xây dựng nông thôn mới. Các hội đoàn thể cũng thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động với nhiều hình thức khác nhau, nhờ đó đã thu hút ngày càng nhiều hơn các tầng lớp Nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm

tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư, hỗ trợ; các nội dung về văn hóa, xã hội, giáo dục, môi trường từng bước được quan tâm, góp phần làm cho đời sống tinh thần của người dân nông thôn phát triển theo hướng lành mạnh hơn, văn minh hơn; hệ thống chính trị tiếp tục được tăng cường và củng cố; an ninh trật tự, an toàn xã hội nông thôn tiếp tục được giữ vững.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, bộ tiêu chí, các cơ chế chính sách của trung ương ban hành chậm, một số nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương vẫn chưa được ban hành gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện Chương trình ở cấp tỉnh.

Nguồn lực trung ương, tỉnh bố trí cho xây dựng nông thôn mới vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các địa phương. Vốn năm 2022 được phân bổ muộn, trong khi thời gian còn lại để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 không còn nhiều nên khó khăn trong hoàn thành kế hoạch đã đề ra. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới có địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác, do đó rất khó khăn trong đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi. Việc huy động vốn đối ứng từ ngân sách huyện/xã cho chương trình gặp khó khăn. Người dân chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số, hộ nghèo nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình nông thôn mới gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ nhà nước.

Một số chỉ tiêu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 khó thực hiện, cụ thể như: Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 5\%$) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực miền núi là 36 triệu đồng (năm 2021) lên 48 triệu đồng (năm 2025), khu vực đồng bằng từ 41 triệu (năm 2021) lên 53 triệu (năm 2025); có bổ sung một số tiêu chí và yêu cầu tiêu chí cũng cao hơn so với giai đoạn 2016-2020: Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi $\leq 24\%$ (giai đoạn 2016-2020 $\leq 31,4\%$), tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử: xã nông thôn mới $\geq 50\%$, xã nông thôn mới nâng cao $\geq 70\%$, tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa $\geq 40\%$. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đối với xã nông thôn mới $\geq 70\%$, xã nông thôn mới nâng cao $\geq 100\%$.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện không có cán bộ chuyên trách nông thôn mới, đa số là do công chức, viên chức của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Kinh tế và Hạ tầng kiêm nhiệm. Do đó, việc theo dõi, tổng hợp báo cáo của các địa phương không kịp thời, đầy đủ số liệu, đảm bảo thời gian quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp, báo cáo cũng như trong tham mưu chỉ đạo, điều hành thực hiện Chương trình.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch đẹp, an toàn; nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống. Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi.

2. Mục tiêu cụ thể

Dự kiến đến hết năm 2023 đạt các mục tiêu sau:

a) Cấp huyện: Huyện Mộ Đức đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế 03 huyện và 01 thành phố Quảng Ngãi).

b) Cấp xã:

- 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế 105 xã), cụ thể:

+ Huyện Ba Tơ (03 xã): Ba Liên, Ba Điền, Ba Vì.

+ Huyện Trà Bồng (02 xã): Trà Tân, Trà Giang.

+ Huyện Sơn Hà (02 xã): Sơn Kỳ, Sơn Trung.

+ Huyện Bình Sơn (01 xã): Xã Bình An.

- 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

+ Huyện Bình Sơn (02 xã): Bình Trung, Bình Thạnh.

+ Huyện Sơn Tịnh (02 xã): Tịnh Minh, Tịnh Sơn.

+ Huyện Tư Nghĩa (02 xã): Nghĩa Lâm, Nghĩa Hiệp.

+ Huyện Nghĩa Hành (03 xã): Hành Tín Đông, Hành Thịnh, Hành Thuận.

+ Huyện Mộ Đức (02 xã): Đức Thạnh, Đức Minh.

+ Thị xã Đức Phổ (01 xã): Phổ Thuận.

+ Thành phố Quảng Ngãi (02 xã): Tịnh Khê, Tịnh Ấn Tây.

+ Các công trình hạ tầng thiết yếu (giao thông, điện, nước, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, chợ...) cơ bản đảm bảo đồng bộ, liên thông.

- 46 thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý

Tiếp tục củng cố và kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện. Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai thực hiện Chương trình; Sắp xếp, bố trí cán bộ chuyên trách để theo dõi nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, xem yếu tố con người là khâu quan trọng, then chốt trong xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức hội nghị, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới các cấp.

Giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban Chỉ đạo chương trình trực tiếp theo dõi, kiểm tra đôn đốc các địa phương đạt chuẩn theo kế hoạch, hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc khó khăn; kịp thời phát hiện, tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh có giải pháp chỉ đạo phù hợp nhằm hoàn thành mục tiêu kế hoạch đề ra.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã, kinh tế hợp tác để nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, góp phần phát triển nông thôn theo hướng bền vững.

2. Về công tác tuyên truyền vận động

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, tạo sự chuyển biến thực sự về nhận thức cho cán bộ các cấp và người dân về mục tiêu ý nghĩa Chương trình: Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đem lại sự hài lòng cho người dân nông thôn do đó cần có sự đồng tình hưởng ứng, tham gia của mỗi người dân.

3. Về cơ chế chính sách

Tiếp tục ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Về tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến và đạt được mục tiêu theo từng nhóm xã

a) Đối với huyện, xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023

Rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn các tiêu chí theo Bộ tiêu chí huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đối với các tiêu chí đã đạt các xã khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, các tiêu chí chưa đạt, các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành nội dung.

Các sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được phân công chủ động giúp các xã tháo gỡ khó khăn liên quan đến tiêu chí mình phụ trách để các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo đúng kế hoạch đề ra.

b) Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới:

Tổ chức rà soát, đánh giá sát theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, có giải pháp cụ thể đối với từng tiêu chí nhằm giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí, nhất là các tiêu chí thuộc về nâng cao chất

lượng cuộc sống người dân như: Thu nhập, hộ nghèo, tổ chức sản xuất, văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường và an toàn thực phẩm.

- Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và phát huy hiệu quả các công trình đã được xây dựng, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, xây dựng khu dân cư nông thôn kiểu mẫu và tiến đến xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 có hiệu quả.

c) Đối với các nhóm xã còn lại:

Sử dụng, huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực, tập trung chỉ đạo để tạo sự chuyển biến rõ nét trên các lĩnh vực, phấn đấu tăng 0,7 - 01 tiêu chí/năm để góp phần cùng tỉnh đạt chỉ tiêu số tiêu chí bình quân/xã: 17,3 tiêu chí đến hết năm 2023.

Các huyện miền núi tập trung chỉ đạo các xã triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới áp dụng cho địa bàn các xã miền núi.

5. Về huy động nguồn lực

- Tiếp tục huy động, tận dụng tối đa và đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện Chương trình, lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội ở cấp xã; Tăng cường các hình thức xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bảo vệ và xử lý môi trường, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nước sạch, văn hóa thể thao.

- Tiếp tục huy động người dân nông thôn đóng góp công sức, tiền của xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, trọng tâm là các công trình quy mô nhỏ, vốn đầu tư thấp như đường thôn, ngõ xóm, nhà văn hóa và khu thể thao thôn. Việc huy động sức dân phải tuân thủ nguyên tắc tự nguyện, không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương trên cơ sở cộng đồng và người dân bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể.

- Nâng cao chất lượng công tác quản lý để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư Chương trình, tránh để mất vốn, kiên quyết không làm phát sinh nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

6. Về xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, hỗ trợ thôn xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục thực hiện việc xây dựng Khu dân cư nông thôn kiểu mẫu ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để tiến tới xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thực hiện xây dựng Thôn nông thôn mới ở các xã khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa đủ điều kiện để tiến tới xây dựng xã nông thôn mới.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến các nguồn lực để thực hiện Chương trình năm 2023: 726.665 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: **132.625** triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn đầu tư: 100.970 triệu đồng
 - + Vốn sự nghiệp: 31.655 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh: **157.000** triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn đầu tư: 110.000 triệu đồng
 - + Vốn sự nghiệp khoảng: 47.000 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, xã: 110.462 triệu đồng.
- Vốn lồng ghép: 200.754 triệu đồng
- Vốn tín dụng: 96.500 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp: 20.050 triệu đồng
- Đóng góp của người dân và cộng đồng: 11.274 triệu đồng

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Kính đề nghị Trung ương quan tâm xem xét bố trí thêm nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng với xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022 của UBND tỉnh mà đặc biệt là các xã đạt chuẩn nông thôn mới, thuộc khu vực miền núi, xã đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế khó khăn, thu nhập của người dân còn quá thấp, cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội chưa đồng bộ.

- Các Bộ ngành được phân công giao nhiệm vụ phụ trách từng tiêu chí tăng cường hỗ trợ cho các địa phương để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đảm bảo đạt chuẩn theo đúng kế hoạch đã đề ra. Đặc biệt, đối với một số Bộ ngành chưa hướng dẫn thực hiện tiêu chí để các địa phương thực hiện.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo TW Chương trình MTQG
Xây dựng nông thôn mới;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Văn phòng Điều phối TW Chương trình MTQG
Xây dựng Nông thôn mới;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh;
- CPUB: CVP, PCVP, KTTH, KGVX, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN(tnh23).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Phụ biểu số 01 (Kèm theo Mẫu số 03)

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH



ĐẠI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 30 /01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Nội dung	Ghi chú
1	Nghị quyết	01-NQ/ĐH ngày 22/10/2020	Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX	
2	Nghị quyết	08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	Quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình MTQG XD NTM giai đoạn 2021-2025 và trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
3	Nghị quyết	28/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số Chương trình, dự án khác	
4	Nghị quyết	29/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số Chương trình, dự án khác	
5	Nghị quyết	26/2022/NQ-HĐND ngày 11/1/2022	Một số nội dung chi tiết kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
6	Nghị quyết	27/2022/NQ-HĐND ngày 11/1/2022	Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, Kế hoạch, phương sản xuất, lựa chọn đơn vị đặc hàng trong thực hiện của các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
7	Nghị quyết	54/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022	Phân bổ kinh phí sự nghiệp năm 2022 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh	
8	Nghị quyết	57/2022/NQ-HĐND ngày 30/9/2022	Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác (đợt 2)	
9	Quyết định	01/QĐ-BCĐ ngày 18/02/2022	Ban hành quy chế hoạt động của BCD Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
10	Quyết định	193/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	Thành lập ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
11	Quyết định	661/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	Thành lập Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2026	
12	Quyết định	769/QĐ-UBND ngày 17/6/2022	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Quảng Ngãi chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025"	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Nội dung	Ghi chú
13	Quyết định	712/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
14	Quyết định	758/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn năm 2022	
15	Quyết định	879/QĐ-UBND ngày 07/7/2022	Phê duyệt Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2022 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22.02.2022 của Thủ tướng Chính phủ	
16	Quyết định	779/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	Phê duyệt dự án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	
17	Quyết định	845/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	
18	Quyết định	846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	Giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác	
19	Quyết định	910/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương	
20	Quyết định	1016/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
21	Quyết định	1017/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	Ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao, quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
22	Quyết định	1382/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	Phê duyệt kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022-2025	
23	Quyết định	1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các công trình: Trường học mầm non, mẫu giáo; nhà văn hóa thôn, bản; chợ nông thôn; các công trình đường giao thông nông thôn và công trình kiên cố hóa kênh mương loại III trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
24	Quyết định	1130/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 nguồn vốn ngân sách tỉnh	

TT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Nội dung	Ghi chú
25	Quyết định	1135/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
26	Quyết định	1139/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	Ban hành Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
27	Quyết định	1194/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	Ban hành dự án hỗ trợ xi măng để xây dựng đường giao thông nông thôn miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	
28	Kế hoạch	47/KH-UBND ngày 18/3/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
29	Kế hoạch	120/KH-UBND ngày 01/8/2022	Kế hoạch truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	
30	Kế hoạch	178/KH-UBND ngày 18/11/2022	Kế hoạch triển khai Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí, an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	

Phụ biểu số 02 (Kèm theo Mẫu số 03)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi tiêu	Kế hoạch năm 2022	Kết quả huy động năm 2022	Kế hoạch năm 2023
	TỔNG SỐ	1.950.844	1.393.204	728.665
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	206.860	204.726	132.625
2	Đầu tư phát triển	181.040	181.040	100.970
3	Sự nghiệp	25.820	23.686	31.655
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	393.984	215.408	267.462
1	Tỉnh	190.984	150.569	157.000
2	Huyện	153.000	55.552	97.884
3	Xã	50.000	9.287	12.578
III	VỐN LÒNG GHEP	500.000	303.807	200.754
IV	VỐN TÍN DỤNG	700.000	650.926	96.500
V	VỐN DOANH NGHIỆP	50.000	-	20.050
VI	HUY ĐỘNG TỪ NGƯỜI DÂN VÀ CỘNG ĐỒNG	100.000	18.337	11.274
1	Tiền mặt			
2	Ngày công và hiện vật quy đổi		18.337	11.274

Phụ biểu số 03 (Kèm theo Mẫu số 03/ĐÀN TỈNH)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2022



Kiểm tra: Rút số 14 /BC-UBND ngày 30 /01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Kế hoạch năm 2022	Kết quả thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	181.041	181.041	100.970	
1	Giao thông	106.633	106.633	70.000	
2	Thủy lợi	20.543	20.543	12.000	
3	Điện	2.107	2.107	1.200	
4	Trường học	6.904	6.904	5.000	
5	CSVC Văn hóa	32.946	32.946	10.000	
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	461	461		
7	Công trình cung cấp nước sạch tập trung	7.985	7.985	2.000	
8	CSHT bảo vệ môi trường nông thôn; các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện); hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	3.462	3.462	770	
9	Khác (nếu có)				

Phụ biểu số 04 (Kèm theo Mẫu số 03)

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG VÀ THỰC HIỆN NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG XÂY DỰNG NTM NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 30/01/ 2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung thực hiện (Đề nghị bổ sung chi tiết theo từng nội dung cụ thể của từng nội dung thành phần)	Khối lượng	Tổng số	Kết quả huy động và thực hiện năm 2022						Kế hoạch năm 2023						Ghi chú					
				Vốn đầu tư trực tiếp				Lĩnh ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	Tổng số	Vốn đầu tư trực tiếp				Lĩnh ghép	Tín dụng	Doanh nghiệp	Dân góp	
				Tổng số	NSTW		NSDP						Tổng số	NSTW							NSDP
					ĐTPT	SN								ĐTPT	SN						
1	Nội dung thành phần số 01		13.080	13.080		6.540	6.540				15.200	15.200		7.500	7.700						
2	Nội dung thành phần số 02		414.042	320.105	181.040		139.065	75.600			323.244	246.470	100.970		145.500		65.500				
3	Nội dung thành phần số 03		16.477	16.477		7.957	8.520				15.700	15.700		8.200	7.500					11.274	
4	Nội dung thành phần số 05		-	-							-	-									
5	Nội dung thành phần số 06		320	320			320				340	340			340						
6	Nội dung thành phần số 07		278	278			278				258	258			258						
7	Nội dung thành phần số 08		250	250			250				250	250			250						
8	Nội dung thành phần số 09		-	-							575	575		575							
9	Nội dung thành phần số 10		1.200	1.200		670	530				1.470	1.470		950	520						
10	Nội dung thành phần số 11		5.964	5.964		2.999	2.965				6.400	6.400		3.200	3.200						
11	Kinh phí chi hoạt động của cơ quan tham mưu, giúp việc BCD các		4.630	4.630			4.630				10.250	10.250		5.600	4.650						
12	Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã		12.140	12.140		5.520	6.620				12.380	12.380		5.630	6.750						
13	Nội dung khác (nếu có)		924.953	45.820			45.820	228.207	650.926		342.598	90.794			90.794	135.254	96.500	20.050			
	Cộng		1.393.334	420.264	181.040	23.686	215.538	303.807	650.926	-	18.337	728.665	400.087	100.970	31.655	267.462	200.754	96.500	20.050	11.274	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN NĂM 2022
(Kèm theo Báo cáo số 14 /BC-UBND ngày 30 /01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT		Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
I	Tổng số đơn vị cấp huyện thực hiện XD NTM trên địa bàn	03 huyện, TP		04 huyện, Tp	
	Trong đó				
-	Số đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM	02 huyện	02 huyện	03 huyện, TP	
-	Số đơn vị cấp huyện đã hoàn thành thủ tục hợp Hội đồng thẩm định Trung ương (hiện đang trình Thủ tướng Chính phủ)			01 huyện	
-	Số đơn vị cấp huyện đang triển khai thủ tục trình TTCP công nhận đạt chuẩn ở cấp tỉnh (để nghị ghi rõ tên đơn vị cấp huyện)	01 TP	01 TP		
II	Kết quả thực hiện xây dựng NTM cấp xã				
I	Tổng số xã thực hiện XD NTM trên địa bàn (không bao gồm các thị trấn)	148 xã	148 xã	148 xã	
1.1	Số xã DBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	53 xã	53 xã	53 xã	
1.2	Số xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
1.3	Số xã còn lại	95 xã	95 xã	95 xã	
2	Số xã đạt 19 tiêu chí	93 xã	97 xã	105 xã	
2.1	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM	93 xã	93 xã	105 xã	
-	Số xã DBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	8	8	18 xã	
-	Số xã DBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại	85	85	87	

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện năm 2022:	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
2.2.	Số xã đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM		4		
-	Số xã khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi		2		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại		2		
2.3	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao				
2.4	Số xã đạt chuẩn NTM nâng cao đang hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận		9 xã	14 xã	
2.5	Số xã có QĐ công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu			2 xã	
3	Số xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí	5 xã	6 xã	7 xã	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	4	6	7	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại	1			
4	Số xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí	46 xã	40 xã	36 xã	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	45	40	36	
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				
-	Số xã còn lại	1			
5	Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí	4 xã	5 xã	0	
-	Số xã ĐBKK khu vực III thuộc Chương trình DTTS và Miền núi	4	5		
-	Số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo thuộc Chương trình Giảm nghèo bền vững				

TT	Nội dung	Kết quả đến 31/12 của năm trước	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
-	<i>Số xã còn lại</i>				
III	Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản				
1	Số đơn vị cấp thôn thuộc các xã DBKK được công nhận đạt chuẩn NTM				
2	Số thôn, bản, ấp còn lại được công nhận đạt chuẩn NTM <i>(nếu có)</i>			46 thôn	
3	Số thôn, bản, ấp được công nhận NTM kiểu mẫu <i>(nếu có)</i>		75	79	

Phụ biểu số 06 (Kèm theo Mẫu số 03)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 30/01/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT		ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
I	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM	xã				
1	Quy hoạch		148	131	148	
2	Giao thông		121	123	129	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai		135	135	141	
4	Điện		144	143	147	
5	Trường học		105	105	119	
6	Cơ sở vật chất văn hoá		114	119	127	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn		147	146	147	
8	Thông tin và Truyền thông		146	142	147	
9	Nhà ở dân cư		118	120	139	
10	Thu nhập		97	97	105	
11	Nghèo đa chiều		96	97	106	
12	Lao động		147	145	146	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn		124	124	135	
14	Giáo dục và Đào tạo		127	128	136	
15	Y tế		119	117	128	
16	Văn hoá		145	145	148	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm		98	103	117	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật		140	145	148	
19	Quốc phòng và An ninh		146	140	148	
II	Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn NTM nâng cao	xã				
1	Quy hoạch			36	46	
2	Giao thông			21	32	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai			35	50	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
4	Điện			43	53	
5	Giáo dục			13	26	
6	Văn hóa			7	24	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn			39	46	
8	Thông tin và Truyền thông			10	26	
9	Nhà ở dân cư			45	53	
10	Thu nhập			21	37	
11	Nghèo đa chiều			37	47	
12	Lao động			37	51	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn			9	26	
14	Y tế			5	24	
15	Hành chính công			39	51	
16	Tiếp cận pháp luật			35	49	
17	Môi trường			11	27	
18	Chất lượng môi trường sống			14	28	
19	Quốc phòng và An ninh			43	53	
III	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM	huyện				
1	Quy hoạch			5	7	
2	Giao thông			2	5	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai			4	5	
4	Điện			4	6	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục			2	4	
6	Kinh tế			4	4	
7	Môi trường			2	4	
8	Chất lượng môi trường sống			3	5	
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công			3	6	
IV	Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM nâng cao	huyện				
1	Quy hoạch				1	

TT	Nội dung	ĐVT	Kết quả đến 31/12 của năm trước	thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
2	Giao thông					
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai				1	
4	Điện			1	1	
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục				0	
6	Kinh tế				1	
7	Môi trường				0	
8	Chất lượng môi trường sống				0	
9	An ninh, trật tự - Hành chính công			2	1	